

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHAN THỊ THU HIỀN

2. Ngày tháng năm sinh: 01/10/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: VIỆT NAM;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 10, ngõ 158 đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 802, Nhà A2, Tòa nhà Vinaconex1, số 289a đường Khuất Duy Tiến, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 024 62657933; Điện thoại di động: 0902287577;

E-mail: phanhien@ftu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan).

- Từ năm 2000 đến tháng 11 năm 2005, chuyên viên phòng Kinh tế đối ngoại, Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam.

- Từ năm 2005 đến nay: Giảng viên, Viện Kinh tế và kinh doanh quốc tế (trước là Khoa Kinh tế ngoại thương), trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại cơ quan 024. 38356800 (máy lẻ 515)

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

9. Học vị:

- Được cấp bằng đại học ngày 09 tháng 03 năm 2000, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại

Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

- Được cấp bằng đại học ngày 10 tháng 08 năm 1998, chuyên ngành: tiếng Anh

Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 30 tháng 11 năm 2006, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 31 tháng 08 năm 2012, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế

Nơi cấp bằng tiến sĩ: Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa bổ nhiệm/công nhận

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về chính sách công nghiệp và chính sách thương mại quốc tế bao gồm cơ sở lý luận, nguyên lý kinh tế và thực tiễn công tác xây dựng, ban hành và thực thi chính sách công nghiệp và chính sách thương mại nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững nền công nghiệp của các nước trên thế giới và Việt Nam.

- Nghiên cứu về thương mại quốc tế: Các phương thức giao dịch thương mại quốc tế; đàm phán ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến Hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Nghiên cứu về hải quan với những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ hải quan và công tác quản lý nhà nước về hải quan với hai chức năng trụ cột trong bối cảnh toàn cầu hóa đó là tạo thuận lợi hóa và đảm bảo an ninh thương mại quốc tế.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Từ tháng 6/ 2015 đến tháng 6/2020 đã hướng dẫn thành công 07 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

- Đã chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo và 03 đề tài được tài trợ bởi các tổ chức nước ngoài. Là thành viên tham gia 03 đề tài NCKH cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; 01 đề tài NCKH cấp cơ sở trường Đại học Ngoại Thương;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Đã công bố 39 bài báo khoa học đăng trên các Tạp chí, Kỷ yếu trong nước và quốc tế, trong đó 03 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: 04 cuốn, trong đó 03 quyển là chủ biên:

- ✓ Giáo trình: Giao dịch thương mại quốc tế, Chủ biên: PGS, TS Phạm Duy Liên, NXB Lao động, năm 2012 (thành viên tham gia viết).
- ✓ Giao dịch thương mại quốc tế và thủ tục hải quan không chính tắc tại Việt Nam Chủ biên: Phan Thị Thu Hiền, Nhà xuất bản Lao động. Năm xuất bản 2019. Chỉ số ISBN: 978-604-98-3180-5
- ✓ Liên kết chính sách công nghiệp và chính sách thương mại của Việt Nam giai đoạn 2010-2020. Chủ biên: Phan Thị Thu Hiền. Nhà xuất bản Hà Nội. Năm xuất bản 2019. Chỉ số ISBN: 978-604-55-4358-0
- ✓ Những điều cần biết về Incoterms 2020 trong hoạt động ngoại thương của Việt Nam. Chủ biên: Phan Thị Thu Hiền. Nhà xuất bản Hà Nội. Năm xuất bản 2020. Chỉ số ISBN: 978-604-55-5694-8

05 công trình KH tiêu biểu nhất:

- (1) How to take advantage of trade facilitation in Vietnam: A case study of Vietnam's logistics firms, *Tạp chí thương mại và hải quan toàn cầu: Global Trade and Customs Journal*, số 15 kỳ 6 năm 2020, Số ISSN:1569755X (bản in) và ISSN:18756468 (trực tuyến) (thuộc Danh mục Scopus 2020).
- (2) Applying "Mirror Statistics" in Cross-Border Administration: Case of General Department of Vietnam Customs, *Tạp chí Hải quan thế giới - World Customs Journal*, số 14 kỳ 1 năm 2020. Số ISSN:1834-6707 (bản in) và ISSN 1834-6715 (trực tuyến) (thuộc Danh mục Scopus 2020)
- (3) Identifying illicit timber trade between Vietnam and China, *Tạp chí Hải quan thế giới - World Customs Journal*, số 11 kỳ 1 năm 2017. Số ISSN:1834-6707 (bản in) và ISSN 1834-6715 (trực tuyến) (thuộc Danh mục Scopus 2017).
- (4) “Quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng gỗ: Trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang EU”, đề tài NCKH do Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương với các nước Châu Á- Thái Bình Dương của Ủy ban Giáo dục, nghiên cứu và đổi mới và ETH Zurich (Thụy Sĩ). Thực hiện chính với sự hướng dẫn của Giáo sư Ari Pekka Hameri, trường Đại học Lausanne, Thụy Sĩ; Chủ nhiệm đề tài: TS Phan Thị Thu Hiền.
- (5) *Giao dịch thương mại quốc tế và thủ tục hải quan không chính tắc tại Việt Nam*; NXB Lao động, năm 2019; Sách chuyên khảo. Tác giả TS Phan Thị Thu Hiền (Chủ biên).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của đề tài KH&CN cấp Bộ GD&ĐT “Giao dịch thương mại quốc tế và thủ tục hải quan không chính tắc tại Việt Nam: Thực tiễn và giải pháp đổi mới theo chuẩn mực quốc tế”; Mã số B2014-08-17.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018-2019

Chiến sĩ thi đua cấp trường Đại học Ngoại Thương các năm 2012-2013; 2016-2017; 2017-2018, 2018-2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2013-2014 | 0 | 0 | 00 | 10 | 150 | 6 | 156/487/280 |
| 2 | 2014-2015 | 0 | 0 | 01 | 15 | 180 | 0 | 180/690/270 |
| 3 | 2016-2017 | 0 | 0 | 01 | 12 | 168 | 30 | 198/722,5/270 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2017-2018 | 0 | 0 | 03 | 14 | 315 | 30 | 345/1.136/270 |
| 5 | 2018-2019 | 0 | 0 | 00 | 21 | 315 | 60 | 375/1.012,5/270 |
| 6 | 2019-2020 | 0 | 0 | 02 | 17 | 135 | 45 | 175/830,5/270 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Bảo vệ luận văn Thạc sĩ hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước:... năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Số bằng: 105265; năm cấp: 2008

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Ngoại Thương; Học viện Chính sách và phát triển (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

d) Đối tượng khác ;

Nghiên cứu sau Tiến sĩ bằng ngôn ngữ tiếng Anh tại Thụy Sĩ từ 01/09/2015 đến 31/08/2016.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp đại học, Cử nhân ngoại ngữ.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HV | Đối tượng | | Trách nhiệm HD | | Thời gian hướng dẫn từ đến ... | Cơ sở đào tạo | Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|---------------------|-----------|----|----------------|-----|-------------------------------------|------------------------|------------------------------------------|
| | | NCS | HV | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Phạm Anh Hùng | | x | x | | 20/12/2018 đến 22/05/2019 | Trường ĐH Ngoại Thương | 21/11/2019 |
| 2 | Phạm Thị Phương Lan | | x | x | | 20/12/2018 đến 22/05/2019 | Trường ĐH Ngoại Thương | 21/11/2019 |
| 3 | Lý Nguyên Ngọc | | x | x | | 22/8/2017 đến 22/01/2018 | Trường ĐH Ngoại Thương | 13/07/2018 |
| 4 | Ngô Thị Thu Ngân | | x | x | | 22/8/2017 đến 22/01/2018 | Trường ĐH Ngoại Thương | 13/07/2018 |
| 5 | Đinh Thị Bích Hà | | x | x | | 31/10/2017 đến 30/03/2018 | Trường ĐH Ngoại Thương | 11/10/2018 |
| 6 | Xonchit Souphachita | | x | x | | 04/11/2016 đến 03/05/2017 | Trường ĐH Ngoại Thương | 21/3/2018 |
| 7 | Nguyễn Quang Hưng | | x | x | | 14/4/2014 đến 11/9/2014 | Trường ĐH Ngoại Thương | 03/06/2015 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách | Loại sách | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Viết một mình hoặc chủ biên phần biên soạn | Xác nhận sử dụng sách của CS GD&ĐT |
|---------------------------------|------------------------------|------------|------------------------------|------------|--------------------------------------------|------------------------------------|
| TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ | | | | | | |
| 1 | Giao dịch thương mại quốc tế | Giáo trình | NXB Thông kê, năm XB: 2012 | 08 | Viết chương 5 Trang 216-250 | Có |
| SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ | | | | | | |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------|----|-----------------------------------------------|----|
| 1 | Giao dịch thương mại quốc tế và thủ tục không chính tắc tại Việt Nam | Sách chuyên khảo | NXB Lao động, năm XB: 2019 | 01 | Chủ biên - Viết toàn bộ nội dung | Có |
| 2 | Liên kết chính sách công nghiệp và thương mại của Việt Nam giai đoạn 2010-2020 | Sách chuyên khảo | NXB Hà Nội năm XB: 2019 | 01 | Chủ biên- Viết toàn bộ nội dung | Có |
| 3 | Những điều cần biết về Incoterms 2020 trong hoạt động ngoại thương của Việt Nam | Sách tham khảo | NXB Hà Nội năm XB: 2020 | 01 | Chủ biên- Viết Chương 1 và 2 Trang 3-51 | Có |

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ | | | | | |
| 1 | Đề tài NCKH cấp Bộ “Giao dịch thương mại quốc tế và thủ tục hải quan không chính tắc tại Việt Nam: Thực tiễn và giải pháp đổi mới theo chuẩn mực quốc tế”. | Chủ nhiệm đề tài | Mã số: B2014-08-17. Bộ Giáo dục và Đào tạo | 01/2014 - 12/2016 | 26/12/2016 |
| 2 | Đề tài NCKH do Tổ chức Thương mại thế giới WTI tài trợ “Thống kê phản chiếu trong thương mại hàng hóa: Thực tiễn và đề xuất áp dụng quản lý giao dịch thương mại quốc tế tại Việt Nam” (Mirror Statistics in merchandise trade of Vietnam: Findings and implications on | Chủ nhiệm đề tài | Mã số: 02.2017/DHNT-QLDA-WTI/SECO-Trường Đại học Ngoại thương | Thời gian thực hiện từ 01/04/2017 đến 12/2017 | Tháng 4/2018 |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| | (cross-border trade administration) | | | | |
| 3 | Đề tài NCKH “Quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng gỗ: Trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang EU”. Thực hiện chính với sự hướng dẫn của Giáo sư Ari Pekka Hameri, trường Đại học Lausanne, Thụy Sĩ | Chủ nhiệm đề tài | Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương với các nước Châu Á- Thái Bình Dương của Ủy ban Giáo dục, nghiên cứu và đổi mới và ETH Zurich (Thụy Sĩ) | Thời gian thực hiện từ 01/12/2016 đến 30/11/2017 | Tháng 12/2017 |
| 4 | Đề tài nghiên cứu sau tiến sĩ (postdoctor) do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ “Illegal trade volumes and related socio-economic negative impacts - case studies in Vietnam, Switzerland and Costa Rica – Tác động tiêu cực về kinh tế xã hội của thương mại bất hợp pháp: Trường hợp Việt Nam, Costa Rica và Thụy Sĩ”. | Chủ nhiệm đề tài | Chính phủ Thụy Sĩ | Thời gian thực hiện từ 01/09/2015 đến 31/08/2016 tại trường Đại học Lausanne, Thụy Sĩ | Tháng 9/2016 |

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT | Tên bài báo | Số Tác giả | Tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học | Tạp chí quốc tế có uy tín | trích dẫn của bài báo | Tập/số | Trang | Năm công bố |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------|-----------------|----------------|
| TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VIỆT TIẾN SĨ | | | | | | | | |
| 1 | Vị trí của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam trong mạng lưới sản xuất khu vực Đông Á | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | | Số 21/2006 | 39-43 | 2006 |
| 2 | Tính ổn định và khả năng dự báo của chính sách thuế đối với các ngành công nghiệp - Câu chuyện ngành công nghiệp ô tô và thép tại Việt Nam | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | | Số 44/2010 | 60-67 | 2010 |
| 3 | Chương trình quản lý rủi ro trong công tác Hải quan và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | | Số 47/2011 | 57-66 | 2011 |
| 4 | Chính sách phát triển nguồn nhân lực của Singapore: Công cụ hữu hiệu của chính sách công nghiệp và đề xuất đối với Việt Nam | 01 | Tạp chí Thương mại | ISSN 0866-7500 | | Số 7/2012 | 27- 29 và 31 | 2012 |

| | | | | | | | | |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------|-----------------|--|------------------------|-------|------|
| 5 | Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam: Thực tiễn và kiến nghị chính sách | 01 | Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Cận Đông. | ISSN 1859- 0519 | | Số 2(78), tháng 2/2012 | 51-58 | 2012 |
| 6 | Chính sách công nghiệp với vai trò định hướng hoạt động thương mại quốc tế của ngành công nghiệp Việt Nam | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | | Số 51/2012 | 58-65 | 2012 |

SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ

| | | | | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|-------------------------|----------|------|
| 7 | Một số đề xuất về tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo đại học tại trường Đại học Ngoại thương | 02 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859- 4050 | | Số 55 (3/2013) | 104- 111 | 2013 |
| 8 | Thuận lợi hóa thương mại trong khuôn khổ hội nhập khu vực Đông Nam Á: Từ cam kết đến chương trình hành động của Việt Nam. | 01 | Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới- Viện Kinh tế chính trị thế giới | ISSN 0868- 2984 | | Số 2(202), tháng 2/2013 | 43-54 | 2013 |
| 9 | Giảng dạy Incoterms tại trường Đại học Ngoại Thương dưới góc độ tiếp cận từ thực tiễn. | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859- 4050 | | Số 57/2013 | 112- 116 | 2013 |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | | | |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--|----------------------------------------------|----------------------------------|------|
| 10 | Kết quả và hạn chế trong hoạt động gắn kết đào tạo đại học với thực tiễn tại trường Đại học Ngoại Thương | 02 | Kỷ yếu Hội thảo “Tăng cường gắn kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với thực tiễn” | ISBN 978-604-59-0633-0 NXB Lao động | | | 217-224 | 2013 |
| 11 | Định công tại các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc tại Việt Nam | 01 | Tạp chí Hàn Quốc | | | Số 2 (4) /2013 | 20-37 | 2013 |
| 12 | Đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng quốc tế bằng giải pháp thông tin | 01 | Tạp chí Logistics Việt Nam | ISSN 2354-0796 | | Số 79 (tháng 5/2014) và Số 80 (tháng 6/2014) | Số 79 (t42-44) và số 80 (t46-48) | 2014 |
| 13 | Chuẩn mực quốc tế và khuyến nghị của tổ chức hải quan thế giới nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng bằng giải pháp thông tin | 01 | Nghiên cứu Hải quan | | | Số 4/2014 | 18-22 và 25 | 2014 |
| 14 | International Standards on data and documentation in logistics development of ASEAN and Vietnam. | 01 | Kỷ yếu hội thảo quốc tế ICASL the 8th International Conference of Asian Shipping and Logistics 2015, 25-26/6/2015 | ISBN: 978-604-76-0539-2 | | | 64-77 | 2015 |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | | | |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|-------|------|--|
| | | | | | | | | |
| 15 | Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam | 02 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 71 tháng3 2015 | 21-31 | 2015 | |
| 16 | Improving the international supply chain transparency and security: cases of Vietnam Customs and US Customs and Border Protection (CBP) | 01 | Kỷ yếu hội thảo quốc tế “ASEAN-Vietnam-America: 20 years of cooperation and development” | ISBN 978-604-59-4991-7 NXB Lao động | | | 2015 | |
| 17 | Chi phí thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam | 2 (Tác giả chính) | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 78 tháng12 2015 | 67-77 | 2016 | |
| 18 | Một số tiêu chí đánh giá hoạt động giao dịch thương mại quốc tế và thủ tục hải quan trên thế giới và thực tiễn tại Việt Nam | 02 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 82 tháng3 2016 | 03-13 | 2016 | |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | | |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|------------|
| | Gia tăng lợi ích đối với các công ty Logistics Việt Nam từ chương trình doanh nghiệp ưu tiên và thỏa thuận công nhận lẫn nhau của các nước thành viên Hiệp định TPP | 01 | Tạp chí Logistics Việt Nam | ISSN 2354-0796 | Số 103 (tháng 5/2016) và Số 104 (tháng 6/2016) | Số 103 (t46-47) và Số 104 (t48-49) | 2016 |
| 20 | Chương trình doanh nghiệp ưu tiên và Thỏa thuận công nhận về doanh nghiệp ưu tiên EU- Việt Nam: Đích đến trong tiến trình thuận lợi hóa thương mại của Việt Nam | 01 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tháng 3/2017: Tạo thuận lợi thương mại: Kinh nghiệm của châu Âu và bài học cho Việt Nam | | | 29-54 | 2017 |
| 21 | Tổ chức nghiên cứu giao dịch qua biên giới (CBRA): Khởi nghiệp thành công trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và hàm ý đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam | 01 | Kỷ yếu Hội thảo “Khởi nghiệp: Từ ý tưởng đến thành công” | ISBN 978-604-59-8223-5 | | 246-255 | 2017 |
| 22 | Identifying illicit timber trade between Vietnam | 01 | Tạp chí Hải quan thế giới- World Customs | Số ISSN: 1834-6707 (bản in) và ISSN | 02 | Số 11/ tập 1 | 13-21 2017 |

| | | | Journal (danh mục Scopus) | 1834-6715 (trực tuyến) | | | | |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|---------|------|--|
| 23 | Gia tăng lợi ích thương mại của Việt Nam từ quy định doanh nghiệp ưu tiên trong Hiệp định tạo thuận lợi hóa thương mại của Tổ chức thương mại thế giới | 02 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 98/2017 | 72-78 | 2017 | |
| 24 | Thông kê phản chiếu trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa: Cơ sở lý luận và thực tiễn tại Việt Nam | 03 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 99/2017 | 42-56 | 2017 | |
| 25 | Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt nam năm 2016 và triển vọng năm 2017 | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 100/2017 | 48-66 | 2017 | |
| 26 | Toward green consumer behaviour in Vietnam: Analysis of wood products buying of the local Vietnamese buyers. | 02 | Kỷ yếu hội thảo khoa học Thị trường bán lẻ Việt Nam: Triển vọng giai đoạn 2020 trở đi, ISBN 978-604-937-166-0 | ISBN 978-604-937-166-0 | | 195-202 | 2018 | |
| 27 | Risk management in timber supply | 05 | Hội thảo khoa học BASSANA, | ISSN 2471-6847 | Số 8/FTU -1 | 201-213 | 2018 | |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | | | |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|------|--|
| | chains: Case of Vietnam's timber exporter to the EU market | (Tác giả chính) | 2018, Đại học Ngoại Thương | | | | | |
| 28 | Viet Nam's wood exports are booming, but the local industry is yet to realize its full commercial potential | 01 | Tropical Forest Update, số 27/2/2108 | ISSN 1022–5439 (trực tuyến) | Tập 27, kỳ 2 năm 2018 | 26-29 | 2018 | |
| 29 | Tận dụng ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do: Kinh nghiệm của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam | 02 | Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương | | Số 542 | 40,41 và 44 | 2019 | |
| 30 | Chi phí xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam: Góc nhìn từ chuỗi giá trị sản phẩm | 01 | Kinh tế đối ngoại | ISSN 1859-4050 | Số 117 (tháng 6/2019) | 48-58 | 2019 | |
| 31 | Dự báo tác động của Brexit đến xuất khẩu gỗ của Việt Nam sang EU | 01 | Tạp chí nghiên cứu châu Âu | ISSN 0868-3581 | Số 6(225) 2019 | 52-60 | 2019 | |
| 32 | Vai trò của hải quan trong công tác đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng trên thế giới và Việt Nam | 01 | Tạp chí Tài chính | ISSN 2615-8973 | Kỳ 1 tháng 6/2019 (706) | 160-162 | 2019 | |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | | |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|--------------|
| 33 | Does trade facilitation challenge the domestic logistics enterprises in Vietnam? | 01 | Tạp chí Kinh tế đối ngoại (bản tiếng Anh) External Economics Review | ISSN 1859-4050 | Số 118, tháng 6/2019 | | 2019 |
| 34 | Advantage, Vietnam | 01 | Tropical Forest Update, số 28/3/4/2019 | ISSN 1022–5439 (trực tuyến) | Tập 28, kỳ 3/4 năm 2019 | 25-30 | 2019 |
| 35 | Applying "Mirror Statistics" in Cross-Border Administration: Case of General Department of Vietnam Customs | 02 | Tạp chí Hải quan thế giới World Customs Journal (thuộc danh mục Scopus) | Số ISSN: 1834-6707 (bản in) và ISSN 1834-6715 (trực tuyến) | Tập 14 kỳ 1 | 41-52 | tháng 3/2020 |
| 36 | How to take advantage of trade facilitation in Vietnam: A case study of Vietnam's logistics firms | 01 | Tạp chí thương mại và hải quan toàn cầu: Global Trade and Customs Journnal (thuộc danh mục Scopus 2020) | Số ISSN: 1569755X (bản in) và 18756468 (trực tuyến) | Tập 15, số 6/2020 | 308-319 | Tháng 6/2020 |
| 37 | Vietnam's Trade Facilitation Agreement implementation through AEO program: An | 02 | Tạp chí phát triển kinh tế xã hội (VSED) | ISSN 0868 – 359X | Tập 25 Số 101, kì 1 | 3-15 | Tháng 6/2020 |

| | | | | | | | | |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--|--|---------|--------------|
| | empirical study from trade compliance behaviors of Vietnamese business | | | | | | | |
| 38 | Tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam: Cơ sở lý luận và thực tiễn | 01 | Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế | ISSN 2615-9848 | | | | Tháng 6/2020 |
| 39 | Độ mở của quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Lý luận và thực tiễn của Việt Nam | 01 | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến thương mại và đầu tư Việt Nam | NXB Khoa học Kỹ thuật: ISBN 978-604-67-1318-0 | | | 145-156 | Tháng 6/2020 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **03 bài trên tạp chí thuộc danh mục SCOPUS**

(1) Identifying illicit timber trade between Vietnam and China, *Tạp chí Hải quan thế giới - World Customs Journal*, số 11 kỳ 1 năm 2017. Số ISSN: 1834-6707 (bản in) và ISSN 1834-6715 (trực tuyến) (thuộc Danh mục Scopus 2017).

<https://worldcustomsjournal.org/archive/volume-11-number-1-march-2017/>

(2) Applying "Mirror Statistics" in Cross-Border Administration: Case of General Department of Vietnam Customs, *Tạp chí Hải quan thế giới - World Customs Journal*, số 14 kỳ 1 năm 2020. Số ISSN: 1834-6707 (bản in) và ISSN 1834-6715 (trực tuyến) (thuộc Danh mục Scopus 2020).

<https://worldcustomsjournal.org/archive/volume-14-number-1-april-2020/>

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
(3) How to take advantage of trade facilitation in Vietnam: A case study of Vietnam's logistics firms, *Tạp chí thương mại và hải quan toàn cầu: Global Trade and Customs Journal*, số 15 kí 6 năm 2020, Số ISSN: 1569755X (bản in) và ISSN: 18756468 (trực tuyến) (thuộc Danh mục Scopus 2020).

<https://kluwerlawonline.com/journalarticle/Global+Trade+and+Customs+Journal/15.6/GTCJ2020072>

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Là thành viên xây dựng chương trình đào tạo đại học chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh, ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Kinh doanh quốc tế. Tham gia đóng góp ý kiến và biên soạn, hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh tại trường Đại học Ngoại thương.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020
NGƯỜI ĐĂNG KÝ



PHAN THỊ THU HIỀN